TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:**146/**2020/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa:

** Nguyên đơn:* Chị **V T T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 5, phường Ỷ La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh **L A K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm 23, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V T T và anh L A K

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị V T T và anh L A K có một con chung là Linh Chi, sinh ngày 13/11/2014. Giao con chung cho chị V T T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Anh L A K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung; Mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng; Phương thức cấp dưỡng theo tháng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần; Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung Linh Chi đủ 18 tuổi. Anh L A K có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời

gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo có đơn yêu cầu thi hành án của quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị V T T và anh L A K không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị V T T và anh L A K không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị V T T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị V T T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, trả lại chị V T T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000367 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh L A K phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- THADS tp Tuyên Quang;
- UBND phường Ỷ La;
-- UBND xã Kim Phú;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Vương Thị Lan